

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DSST
Ngày: 05-9-2018
V/v “Tranh chấp quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh
2. Ông Thái Kim Thành

- T3 ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Từ ngày 29 tháng 8 năm 2018 đến ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2016 về “Tranh chấp Q sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST – DS ngày 16 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1945. Địa chỉ: Ô1/69A, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: Số 26/14C12, đường Đ, Phường 1, Quận B, T phố Hồ Chí Minh; (chết ngày 29-7-2015).

Người kế thừa Q và nghĩa vụ của ông Nguyễn Ngọc T:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953.
2. Anh Nguyễn Ngọc T5 T2, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ô1/69A, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: Số 26/14C12, đường Đ, Phường 1, Quận B, T phố Hồ Chí Minh.

3. Chị Nguyễn Thị Quý B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 629, đường S, khu N, T phố Đà Bắc, Đà Loan (Trung Quốc).

4. Chị Nguyễn Thị Anh T3, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 14-8 G, Seocheon-Gun, Chung cheong Nam Do, Korea (Hàn Quốc).

Là vợ và con ông T.

- *Bị đơn*: Bà Chung Thị D, sinh năm 1931. Địa chỉ: Ô1/68, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bà D ủy Q cho ông Nguyễn Văn T4 (Theo văn bản ủy Q ngày 20-6-2017).

- *Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954.

2. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1958.

3. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ô1/68, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1964. Địa chỉ: 3/45, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

5. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ô1/172, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

6. Anh Nguyễn Văn T7, sinh năm 1974. Địa chỉ: Bệnh viện 30/4, Bộ Nội Vụ, đường S, Quận 5, T phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị Mỗi, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 36, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

8. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 2, Phường 2, thị trấn A, huyện B, T phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bà T1, anh T2, ông T4, ông D1 có mặt.

Chị B, chị T3, bà S, anh T5, bà T6, anh G, anh T7, bà Mỗi, bà Q có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và người kế thừa Q và nghĩa vụ của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc T1, anh Nguyễn Ngọc T5 T2, chị Nguyễn Thị Quý B, chị Nguyễn Thị Anh T3 trình bày: Yêu cầu bà D cùng các con phải trả lại phần đất diện tích 46,64m², qua đo đạc thực tế có diện tích 46,6m², do ông Nguyễn Ngọc T đứng tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất ngày 11-6-2007, tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Nguồn gốc đất, vào năm 1973 ông Choi chuyển nhượng của ông Trần Bá Tòng và bà Lâm Thị Trọng diện tích 1.475m² (trong đó có diện tích đất đang tranh chấp là 46,6m², trên đất có 01 căn nhà tole, sau khi chuyển nhượng ông Choi đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp giấy đăng ký ruộng đất ngày 16-10-1990, với tổng diện tích 1.475m². Năm 1978 ông Choi cho vợ chồng ông T và bà T1 phần đất diện tích 46,6m², trên đất có căn nhà tole đang tranh chấp

(nhà tole hiện nay không còn), ông T và bà T1 đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất ngày 11-6-2007. Sau khi xét xử phúc thẩm giao phần đất này cho bà D, hiện nay do bà D đứng tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 06-4-2010. Trước năm 2004 gia đình ông Nguyễn Văn Be và bà Chung Thị D có chạt cây trên ranh đất của ông bà, nên xảy ra tranh chấp đến nay.

Bị đơn bà Chung Thị D và người đại diện theo ủy Q của bị đơn là ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Không đồng ý trả lại phần đất diện tích 46,6m² theo yêu cầu của bà T1, anh T2, chị B, chị T3.

Nguồn gốc đất vào ngày 30-10-1988 Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu có quyết định số 331/QĐ-UB, đổi cho gia đình ông Nguyễn Văn Be và bà Chung Thị D phần đất diện tích 2.135m², tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, có diện tích đất 46,6m² đang tranh chấp. Đến năm 2004 gia đình ông Be có chạt cây trên ranh đất thì vợ chồng ông T và bà T1 ngăn cản, nên xảy ra tranh chấp.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị T6, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn T7, bà Nguyễn Thị Mỗi, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị Q trình bày: Tất cả thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông T4. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Tại Bản án sơ thẩm số: 01/2008/DS-ST ngày 04-01-2008 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Quyết định.

- Không chấp nhận yêu cầu đòi lại Q sử dụng đất của bà Chung Thị D, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T7 đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Ngọc T.

Bà T1 và ông T được Q sử dụng phần đất 46,64m² tứ cận: cạnh giáp Nguyễn Văn Be dài 8,8m, cạnh giáp đường đất dài 5,3m, cạnh giáp Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc T dài 28,8m, cạnh giáp Nguyễn Văn Be dài 5,3m, tọa lạc tại khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu có trách nhiệm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất đúng quyết định của bản án.

Ngày 17-01-2008 ông Nguyễn Văn T4 kháng cáo yêu cầu xem xét hủy Bản án sơ thẩm số: 01 ngày 04-01-2008 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

* Tại Bản án phúc thẩm số: 167/2008/DS-PT ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Quyết định.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn T4.

Sửa án sơ thẩm: Buộc ông T và bà T1 có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn và người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan (ông T4 đại diện) phần đất tranh chấp diện tích 46,64m², tứ cận: Đông giáp Nguyễn Văn Be dài 8,8m; Tây giáp đường đất dài 5,5m; Nam giáp Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc T dài 8,8m; Bắc giáp Nguyễn Văn Be dài 5,5m, tọa lạc tại Ô1/68, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu có trách nhiệm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất đúng với quyết định của bản án.

Buộc ông T, bà T1 dỡ phần nhà tạm cất trên phần đất 46,64m² để giao trả cho ông T4 và các đồng nguyên đơn.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Ngọc T khiếu nại bản án phúc thẩm nêu trên.

* Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 682/2011/DS-GĐT ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân Tối cao. Quyết định.

- Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số:167/2008/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và hủy Bản án sơ thẩm số: 01/2008/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T3 ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người kế thừa Q và nghĩa vụ của ông Nguyễn Ngọc T là bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Ngọc T5 T2, chị Nguyễn Thị Quý B, chị Nguyễn Thị Anh T3 về tranh chấp Q sử dụng đất.

Buộc bà Chung Thị D cùng các con ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị T6, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn T7, bà Nguyễn Thị Mỗi, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Ngọc T5 T2, chị Nguyễn Thị Quý B, chị Nguyễn Thị Anh T3 phần đất diện tích 46,4m², thuộc thửa số 442, tờ bản đồ số 05, do bà Chung Thị D đứng tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất ngày 06-4-2010, tọa lạc tại Ô1/69A, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị B, chị T3, bà T6, bà Mỗi, bà Q, anh G, anh T7, anh T5 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Người kế thừa Q và nghĩa vụ của ông T là bà T1, anh T2, chị B, chị T3 yêu cầu bà D cùng các con phải trả lại phần đất đo đạc thực tế diện tích 46,4m².

Xét yêu cầu của người kế thừa Q và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T, thấy rằng:

[3] Qua đo đạc tổng thể diện tích đất của ông Nguyễn Văn Chơi (cha ông Nguyễn Ngọc T), thể hiện trong quá trình quản lý sử dụng, ngoài diện tích đất

46,4m² tranh chấp, diện tích đất còn lại trước khi chết ông Chơí đã chuyển nhượng cho ông Đặng T Trung; bà Nguyễn Thị Bích Thanh; bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh; ông Trần T Tấn với tổng diện tích thực tế 1.326,2m², thuộc các thửa 458, 205, 01 phần thửa 309, tờ bản đồ số 05, tất cả đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất. (Diện tích đất thực tế hiện tại thiếu so với diện tích đất mà ông Chơí đăng ký vào năm 1990 là 148,8m²).

[4] Qua đo đạc tổng thể diện tích đất của ông Nguyễn Văn Be, bà Chung Thị D có tổng diện tích theo hiện trạng là 1.831,1m², thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 05, do bà D đứng tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất. (Phần quy hoạch lộ giới có diện tích 162m²). Diện tích đất thực tế hiện tại thiếu so với diện tích đất mà ông Be, bà D được Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp theo Quyết định số 311 là 141.9m²).

[5] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 46,4m², thuộc thửa số 442, tờ bản đồ số 05, tứ cận: Đông giáp đất bà D dài 8,81m; Tây giáp đất ông Trung dài 8,76m; Nam giáp đường đất dài 5,30m; Bắc giáp đất bà D dài 5,30m, do bà Chung Thị D đứng tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất ngày 16-4-2010, tọa lạc tại Ô1/69A, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Trị giá 101.544.729 đồng.

Công trình xây dựng trên đất: 01 bức tường dài 5,82m x cao 1,8m. Trị giá 2.844.828 đồng, do bà D cùng các con xây dựng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 104.390.000 đồng.

[6] Ông T, bà T1 cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Chơí (cha ông T và bà T1 đã chết) chuyển nhượng của ông Trần Bá Tông và bà Lâm Thị Trọng vào năm 1973, lúc chuyển nhượng trên diện tích đất 46,4m² có 01 căn nhà tol, đến ngày 16-10-1990 ông Chơí được cấp giấy đăng ký ruộng đất, với tổng diện tích 1.475m², trong đó có diện tích đất đang tranh chấp 46,4m².

[7] Bà D, ông T4 cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 2.135m² là do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu hoán đổi phần đất diện tích 15.000m² tại thị trấn Gò Dầu của gia đình ông bà (Trong diện tích 2.135m² có 46,4m² đất tranh chấp), theo Quyết định số 331/QĐ-UB ngày 30-10-1988.

Thấy rằng: Qua đo đạc thực tế đất của ông Be, bà D có diện tích 1.831,1m² (Phần quy hoạch lộ giới diện tích 162m²), thiếu so với Quyết định số 331/QĐ-UB ngày 30-10-1988 là 141,9m². Thực tế năm 1979 ông Chơí mới chuyển nhượng đất của ông Tông, bà Trọng, năm 1989 đăng ký tạm trú, đến năm 1994 đăng ký hộ khẩu chính thức, nên việc ông T, bà T1 xác định sử dụng phần đất tranh chấp được ông Chơí cho từ năm 1973 là không có căn cứ. Năm 2003, lúc ông Chơí chia đất cho ông T, bà T1 diện tích 311,4m², không có phần đất tranh chấp.

Căn cứ vào hồ sơ địa chính, sơ đồ đất lúc chuyển nhượng giữa ông Chơí và ông Tông, bà Trọng thì hiện trạng đất chuyển nhượng không có phần đất tranh chấp và ranh đất trước đây là đường thẳng. Hơn nữa, ông T, bà T1 kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất vào ngày 11-6-2007, nhưng đến ngày 04-3-2008 Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu ra Quyết định điều chỉnh lại còn diện tích 51,96m², không có phần đất tranh chấp.

Qua xác minh đối với ông Võ Văn Dài và ông Ngô Hữu Thoại, nguyên là Chủ tịch và Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu xác định. Năm 1988 Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu có ban hành Quyết định số 331/QĐ-UB ngày 30-10-1988 giao cho ông Nguyễn Văn Be phần đất diện tích 2.135m², trên đất có 01 căn nhà ngói diện tích 75,5m² và toàn bộ cây trái trên đất, tứ cận phần đất được giao: Đông giáp Quốc lộ 22B; Tây giáp lò đường ông Chơi; Nam giáp đường đất; Bắc giáp đất ông Đính, việc giao đất cho ông Be không có nhà của ông T và bà T1.

Từ những chứng cứ và lời khai trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà T1, anh T2, chị B, chị T3 là phù hợp theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tài sản:

Bà T1, anh T2, chị B, chị T3 chịu 8.000.000 đồng. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

Bà D, ông T4, bà S, bà T6, anh G, anh T7, bà Mỗi, ông D1, bà Q, anh T5 tự nguyện chịu 10.000.000 đồng. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

[9] Án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà T1, anh T2, chị B, chị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Ngọc T5 T2, chị Nguyễn Thị Quý B, chị Nguyễn Thị Anh T3 đối với bà Chung Thị D, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T6, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn T7, bà Nguyễn Thị Mỗi, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Văn T5 về tranh chấp Q sử dụng đất.

Bà Chung Thị D được Q quản lý sử dụng phần đất 46,4m² thuộc thửa số 442, tờ bản đồ số 05, tứ cận: Đông giáp đất bà D dài 8,81m; Tây giáp đất ông Trung dài 8,76m; Nam giáp đường đất dài 5,30m; Bắc giáp đất bà D dài 5,30m, do bà Chung Thị D đứng tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất ngày 16-4-2010, tọa lạc tại Ô1/69A, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tài sản:

Bà T1, anh T2, chị B, chị T3 chịu 8.000.000 đồng. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

Bà D, ông T4, bà S, bà T6, anh G, anh T7, bà Mỗi, ông D1, bà Q, anh T5 tự nguyện chịu 10.000.000 đồng. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

3. Án phí: Bà T1, anh T2, chị B, chị T3 phải chịu 5.077.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự và phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự theo biên lai thu

số 0004015 ngày 28-12-2012. Ghi nhận ông T đã nộp xong 200.000 đồng. Bà T1, anh T2, chị B, chị T3 còn phải nộp tiếp số tiền 5.077.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà D, ông T4, bà S, bà T6, anh G, anh T7, bà Mỗi, ông D1, bà Q, anh T5 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm đã nộp là 550.000 đồng theo các biên lai thu số 000504 ngày 31-01-2007 và biên lai thu số 002921 ngày 17-01-2008 của thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

T5 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bên đương sự biết có Q kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THANH QUĂNG

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Huy Cường – Nguyễn Thái Bình

Nguyễn Văn Tâm